

Bản án số: 45/2024/HSST
Ngày: 25/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Trọng; bà Nguyễn Thị Thanh Hà
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Luân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLST- HS ngày 01/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 12/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1973; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể: **Đảng viên Đ6** (đã bị đình chỉ sinh hoạt theo Quyết định số 198-QĐ/UBKTHU ngày 17/11/2023); đại biểu Hội đồng nhân dân xã T; Con ông: Nguyễn Viết T, con bà: Nguyễn Thị L (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H và 02 con; D chỉ bản số 62 lập ngày 11/01/2023 tại Công an huyện C; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt

2. Nguyễn Đình T1, sinh năm 1950; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình C, con bà: Đỗ Thị T2 (đều đã chết); Vợ: Hoàng Thị H1 và 05 con; D chỉ bản số 63 lập ngày 11/01/2023 tại Công an huyện C; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

3. Nguyễn Đình N, sinh năm 1961; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình V, con bà: Nguyễn Thị Đ1 (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị U' và 02 con; D chỉ bản số 228 lập ngày 14/4/2023 tại Công an huyện C; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

4. Nguyễn Đình T3, sinh năm 1959; Giới tính: Nam; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện C, Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đoàn thể: **Đảng viên Đ6** (đã bị đình chỉ sinh hoạt theo Quyết định số 197-QĐ/UBKTHU ngày 17/11/2023); đại biểu Hội đồng nhân dân xã T; Con ông: Nguyễn Đình S (đã chết), con bà: Nguyễn Thị H2; Vợ: Đỗ Thị Y và 02 con; D chỉ bản số 64 lập ngày 11/01/2023 tại Công an huyện C; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

2.2.1. Vợ chồng ông Nguyễn Viết M, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn T, xã T, C, Hà Nội. Có mặt ông M

2.2.2. Vợ chồng anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1990; chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1990. Trú tại: Xóm C, xã T, C, Hà Nội. Có mặt anh H3.

2.2.3. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1969. Trú tại: Khu phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt ông Q, bà T4

2.2.4. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn T, xã T, C, Hà Nội. Có mặt

2.2.5. Ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn T, xã T, C, Hà Nội. Có mặt

2.2.6. Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1956. Trú tại: Thôn T, xã T, C, Hà Nội. Ông G có đơn xin vắng mặt (Có mặt anh Nguyễn Đình C2 là con trai ông G)

2.2.7. Ủy ban nhân xã T, huyện C, TP .. Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã T – ông Trần Bá X. Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Hữu Q1 – Phó Chủ tịch UBND xã T. Có mặt.

2.3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị U', sinh năm 1957. Trú tại: Thôn T, xã T, C, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 do nhu cầu của nhân dân trong các thôn T, thôn Đ, thôn Đ của xã T mong muốn mở rộng khuôn viên Đ2, C3 và tu sửa, xây dựng một số hạng mục công trình của Đ2, Nghĩa trang của thôn. Chi bộ và chính quyền thôn T đã họp và tự giao cho Hội người cao tuổi quản lý đất công ở một số khu vực và cùng Ban chấp hành Hội người cao tuổi tổ chức giao thầu đất trái thẩm quyền ở một số khu vực để lấy kinh phí xây dựng và mở rộng khuôn viên Đ2, C3. Cụ thể:

1. Liên quan đến khu đất Đầu V thôn T, xã T, huyện C:

Ông Nguyễn Đình T3 (Trưởng thôn), ông Nguyễn Viết Đ (Bí thư Chi bộ), ông Nguyễn Đình T1 (Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi) thôn T đã họp bàn, thống nhất triển khai cùng với Cấp uỷ, Lãnh đạo và Ban chấp hành Chi hội người cao tuổi thôn T, thôn Đ, thôn Đ, xã T, huyện C, Hà Nội để mua 274,1m² đất ao (liền kề Đình, để mở rộng khuôn viên Đình) của hộ ông Nguyễn Viết T5 với tổng số tiền là 246.690.000 đồng và **480m²** đất ruộng (liền kề Chùa) của hộ ông Nguyễn Viết T5, hộ ông Đặng Đình D2 với tổng số tiền là 420.000.000 đồng; nhưng đều chưa có tiền thanh toán cho ông T5, ông D2 tổng số tiền là 666.690.000 đồng. Do vậy:

- Ngày 08/7/2019, ông Nguyễn Viết Đ tổ chức, chủ trì họp Chi bộ định kỳ, thư ký là Nguyễn Viết D3 (Đảng viên), tổng số có 10/11 đảng viên dự họp, trong đó có nội dung: Chi bộ nhất trí đổi đất cho Chi Hội người cao tuổi về khu lò gạch (khu Đ) thôn T để lấy đất làm rãnh thoát nước và Chi Hội người cao tuổi có trách nhiệm thanh toán tiền cho các gia đình (05 gia đình) có rãnh nước đi qua và phải họp dân.

+ Ngày 22/9/2019, ông Nguyễn Đình T3, ông Nguyễn Viết Đ đã lập biên bản giao tổng diện tích **319,2m²** đất khu Đ, thôn T cho Chi hội người cao tuổi thôn T quản lý, đại diện là ông Nguyễn Đình Trực t nhận.

+ Khoảng cuối năm 2019, ông Nguyễn Đình T3 giao 03 Phiếu (Phiếu ghi năm 2019) xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất là thửa đất số 253, 256, 261, thuộc tờ bản đồ số 02; Tên người sử dụng đất là Hội người cao tuổi thôn; Mục đích sử dụng đất là Trồng cây lâu năm (nhưng chưa được Cơ quan có thẩm quyền xác nhận), tổng diện tích là **332,2m²** tại khu Đ, thôn T cho ông Nguyễn Đình T1 nhận.

Ông T1 nhận thức là được Cấp ủy, Lãnh đạo thôn T giao cho tổng diện tích **651,4m²** đất nông nghiệp quỹ công, loại đất trồng cây hàng năm, do UBND xã T quản lý tại khu Đ thôn T.

- Ngày 16/02/2020, ông Nguyễn Đ3 - chủ trì họp, xin ý kiến Chi hội người cao tuổi thôn T cho thuê đất lâu dài, diện tích **651,4m²** đất tại khu Đ vườn để có kinh phí mua đất (của nhà ông Nguyễn Viết T5, Đặng Đình D2) mở rộng khuôn viên Đ2, C3 và sửa chữa, xây dựng Đ2, Nghĩa trang, làm rãnh nước của thôn. Kết quả: Cuộc họp thống nhất cho đấu thầu 05 ô đất ở khu Đ thôn T với giá khởi điểm là 3.000.000đồng/m². Sau Hội nghị, Chi hội người cao tuổi thôn T cho phát thông báo trên loa truyền thanh của thôn T thời gian 15 ngày, để nhân dân biết đăng ký. Sau đó có 20 người dân đăng ký tham gia đấu thầu đất, ông Nguyễn Đình T1 tổng hợp lập danh sách.

- Buổi chiều ngày 04/3/2020, tại hội trường thôn T, ông Nguyễn Đình T1 cùng ông Vũ Văn T6 (Chi hội P - Chi hội người cao tuổi) và các ông, bà (Nguyễn Viết T7, Đỗ Thị N1, Vũ Thị S1, Tống Thị M1, Trần Thị T8) đều là Ủy viên BCH Chi hội người cao tuổi thôn T đã tổ chức đấu thầu và cùng ông Nguyễn Đình T3 lập “Biên bản thuê đất lâu dài”, đất nông nghiệp quỹ công do UBND xã quản lý tại khu Đ. Ông T1 thông qua quy định đấu thầu, tiến hành đấu thầu từng ô đất một (theo thứ tự từ ô số 01 đến ô số 05), Ban tổ chức đấu thầu đưa giá khởi điểm là 3.000.000đồng/m², ai tham gia đấu thầu phải cọc 10.000.000 đồng (viết tên vào Giấy đặt cọc để tại bàn của Hội trường thôn). Quá trình đấu thầu, ai trả giá cao nhất sẽ trúng thầu ô đó và số tiền đặt cọc sẽ được trừ vào tiền mua đất (tiền đặt cọc giao cho ông T6 giữ, nếu trúng thầu mà không thuê đất sẽ mất tiền đặt cọc).

Kết quả, có 04 hộ dân trúng thầu (05 suất), với tổng diện tích 580,039m² đất, thu được tổng số tiền 1.964.500.000 đồng. Cụ thể hộ trúng thầu gồm:

+ Ông Nguyễn Viết B1 trúng thầu ô số 01, diện tích 100m², số tiền 377.500.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Văn Q trúng thầu ô số 02, diện 100m², số tiền 366.000.000 đồng và ô số 04, diện tích 100m², số tiền 306.000.000 đồng;

+ Bà Nguyễn Thị U trúng thầu ô số 03, diện tích 100,039m², số tiền 375.000.000 đồng;

+ Ông Nguyễn Viết M trúng thầu ô số 05, diện tích 180m², số tiền 540.000.000 đồng đóng 02 lần (ngày 04/3/2020, tại hội trường thôn đóng 450.000.000 đồng, ngày 06/3/2020, tại nhà ông Nguyễn Đình T1 đóng 90.000.000 đồng).

- Khi các hộ dân trúng thầu, ông Nguyễn Đình T1 viết biên bản trúng thầu, đi thuê đánh máy 02 bản (giao cho hộ dân trúng thầu 01 bản và ông Nguyễn Đình T1 giữ 01 bản), ông Vũ Văn T6 - Thủ quỹ nhận tiền của các hộ dân trúng thầu nộp tiền theo Phiếu thu, do ông Nguyễn Đình T1 viết Phiếu thu (mỗi người nộp tiền ký vào 03 phiếu thu, sau giao cho hộ dân trúng thầu 01 Phiếu thu, ông T1 và ông T6 mỗi người giữ 01 Phiếu thu).

- Ngày 05/3/2020, ông Nguyễn Đình T1, ông Nguyễn Đình T3 và ông Nguyễn Viết Đ dẫn 04 hộ dân trúng thầu ra chỉ vị trí, đo đạc kích thước thửa đất, cắm cọc mốc giới giao đất trúng thầu.

Hiện nay, tình trạng sử dụng đất của các hộ dân trúng thầu trên như sau:

+ Ô số 01: ông Nguyễn Viết B1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H3: Hiện trạng là $108,6m^2$, tăng $8,6m^2$ so với diện tích Chi Hội người cao tuổi thôn T giao. Ông H3 đã xây dựng bờ bao bằng gạch Block chiều cao trung bình $0,5m$ bao quanh thửa đất với tổng chiều dài $28,3m^2$.

+ Ô số 02, số 03, số D: Ông Nguyễn Văn Q đang quản lý, sử dụng (trong đó ô số 03 ông Q nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị U): Tổng diện tích hiện trạng 03 ô là $318,1m^2$, tăng $18,061m^2$ so với diện tích Chi Hội người cao tuổi thôn T giao. Ông Q đã xây dựng bờ bao bằng gạch Block chiều cao trung bình $0,5m$ bao quanh 04 phía với tổng chiều dài $69,3m^2$, dựng hàng rào bằng lưới sắt B40 bao quanh chiều cao khoảng $1,2m$, đã đổ đất chiều cao trung bình $0,2m$ với diện tích $137,6m^2$.

+ Ô số 05, ông Nguyễn Văn M2 đang quản lý, sử dụng, diện tích hiện trạng là $198,6m^2$, tăng $18,6m^2$ so với diện tích Chi hội người cao tuổi thôn T giao. Ông M2 đã xây dựng bờ bao bằng gạch Block 02 cạnh: 1 cạnh dài $20m$ với diện tích $60,1m^2$, chiều cao trung bình $1,0m$. Vị trí 2 chiều dài $49,6m$, với diện tích $137,6m^2$, bao quanh 3 phía thửa đất.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 142 /KL-HĐĐG ngày 15 /8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTTHS huyện C, kết luận: Diện tích $580,039m^2$ (đất nông nghiệp quỹ công, loại đất trồng cây hàng năm), do UBND xã T quản lý tại khu Đ thôn T, xã T, huyện C, do Chi hội người cao tuổi thôn T tổ chức đấu thầu ngày 04/3/2020, có trị giá: $580,039m^2 \times 135.000đ/m^2 \times 1,0 = 78.305.265$ (Bảy tám triệu, ba trăm lẻ năm nghìn, hai trăm sáu năm đồng).

Tại bản kết luận giám định số 7900/KL – KTHS ngày 23/11/2022 của Phòng K - Công an T11 kết luận:

“Chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T1 trên 05 Biên bản thầu đất lâu dài và trên 05 Phiếu thu so với chữ ký của Nguyễn Đình T1 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Đình T3 trên 05 Biên bản thầu đất lâu dài và trên Biên bản đo trả đất đình, Biên bản đo trả đất ao ông Nguyễn Đình G; Biên bản đo trả đất ao ông T5 so với chữ ký của Nguyễn Đình T3 trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Viết Đ trên Biên bản đo trả đất đình, Biên bản đo trả đất ao ông Nguyễn Đình G; Biên bản đo trả đất ao ông T5 so với chữ ký của Nguyễn Viết Đ trên mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra”.

Về nguồn gốc đất khu Đầu Vườn: Tại Văn bản số 324/TNMT-ĐĐ ngày 21/7/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C xác định nguồn gốc diện tích 580,039m² đất mà Chi hội người cao tuổi thôn T giao thầu lâu dài cho 04 hộ dân ngày 04/3/2020 có nguồn gốc: thuộc diện tích đất công ích do UBND xã T quản lý. Tại Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 27/6/2022 và Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 12/8/2022 của UBND xã T xác định: Nguồn gốc đất, gồm 05 thửa, diện tích 580,039m² đất công ích (đất nông nghiệp quỹ công do UBND xã T quản lý, sử dụng loại đất trồng cây hàng năm). Quy hoạch nông thôn mới 2011 - 2020 là đất ở (đất đấu giá) đã được UBND huyện C phê duyệt. Năm 2008, UBND xã T đã đo đạc hiện trạng khu đất Đầu V, thôn T để lập hồ sơ trình UBND huyện C, các Phòng ban huyện C thẩm định, thu hồi để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở, nhưng đến nay chưa thực hiện được.

Tổng số tiền thu được từ việc cho đấu thầu 05 suất đất tại khu Đ là 1.964.500.000 đồng đã được Cấp ủy, Lãnh đạo thôn T thống nhất bàn giao cho Ban kiến thiết sửa chữa Đình, C3 thôn Tiến P1 sử dụng, chi như sau:

+ Trả tiền mua đất mở rộng khuôn viên Đình, C3 thôn T cho hộ Nguyễn Viết T5 và hộ ông Đặng Đình D2, tổng số tiền là **666.690.000 đồng**;

+ Trả tiền đền bù cho 05 hộ dân có rãnh nước đi qua, tổng số tiền là 125.700.000 đồng;

+ Trả tiền cho việc tu sửa, xây dựng một số hạng mục công trình của Đ2, Nghĩa trang N3 của thôn T, tổng số tiền là 1.172.110.000 đồng.

2. Liên quan đến khu đất L và Khu vườn cây quán cũ:

- Vào năm 2016, chính quyền cơ sở thôn, chi bộ thôn T đã tổ chức họp quần dân chính lấy ý kiến của nhân dân thôn T về việc đấu thầu đất tại khu A, khu vườn cây Quán Cũ. Cuộc họp đã thống nhất giao cho Chi hội người cao tuổi thôn T tổ chức đấu thầu đất để lấy kinh phí sửa chữa, mở rộng khuôn viên Đình. Sau đó Chi hội người Cao tuổi đã tổ chức đấu thầu, thông báo công khai rộng rãi đến toàn bộ nhân dân thôn T. Ngày 25/12/2016, **ông Nguyễn Đình N** (Trưởng thôn Tiến Phối, nhiệm kỳ 2016-2018) cùng với ông Đặng Văn Đ4 (Chi hội

trưởng Chi Hội người cao tuổi thôn T từ năm 2016-2017, hiện đã chết) đã lập “*Biên bản thuê đất lâu dài*” **diện tích 306m² đất nông nghiệp quỹ công** (đất nuôi trồng thủy sản), do UBND xã T quản lý tại khu L, thôn T, xã T cho ông Nguyễn Văn C1 ở thôn T, **thu số tiền 70.500.000 đồng**. *Hiện hộ ông C1 đã đổ đất, xây bờ kè, không có công trình, cây trồng trên đất.*

- Vào năm 2016, Chi hội người cao tuổi tiến hành họp dân chủ trương xây dựng mở rộng khuôn viên Đình làng thôn T. Do diện tích đất của ông Nguyễn Đình G nằm sát Đ2 làng thôn T, nên Chi hội người cao tuổi đã đề cập việc đổi diện tích đất do Chi hội người cao tuổi quản lý tại khu Ao Lò Đ5 với diện tích đất của ông G để mở rộng khuôn viên Đ2. Ngày 25/12/2016, **ông Nguyễn Đình N, ông Đặng Văn Đ4, ông Nguyễn Viết Đ** đã lập “*Giấy đổi đất*” **diện tích 150m² đất nông nghiệp quỹ công** do UBND xã T quản lý tại khu L, thôn T, xã T cho ông Nguyễn Đình G ở thôn T. *Đến nay, diện tích hiện trạng 147,2m², không có công trình, cây trồng trên đất.*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 06/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, kết luận:

“Diện tích 303,6m² đất nông nghiệp quỹ công có giá trị là 303,6m² x 135.000đ/m² x 1,0 = 40.986.000 đồng.

Diện tích 147,2m² đất nông nghiệp quỹ công có giá trị là 147,2m² x 135.000đ/m² x 1,0 = 19.872.000 đồng”.

- Năm 2018, **ông Nguyễn Đình N, ông Đặng Văn Đ4, ông Nguyễn Đình T1, ông Nguyễn Đình T9** (Thanh tra nhân dân thôn T12) lập “*Bản Hợp đồng giao thuê khu vườn cây Quán cũ- thôn T* **đề ngày 01/6/2017**”, **giao thuê 2.410,6m² đất nông nghiệp quỹ công** do UBND xã T quản lý cho ông Nguyễn Đình B ở thôn T với thời hạn 20 năm, từ ngày 01/6/2017 đến ngày 01/6/2037 dương lịch, **thu tổng số tiền 150.000.000 đồng**. *Hiện nay, gia đình ông B đã làm 01 nhà cấp 4, 01 chuồng gà, 02 giếng khơi, 01 nhà vệ sinh, tường bao quanh, có cây trồng trên đất.*

Tại kết luận định giá số 03/ HĐĐG ngày 30/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện C (BL 1432): “Diện tích 2.410,6m² đất nông nghiệp quỹ công, do UBND xã T quản lý tại khu Vườn cây Quán cũ, thôn T, do Chi Hội người cao tuổi và Trưởng thôn Tiến Phôi lập “*Bản Hợp đồng giao thuê khu vườn cây Quán cũ - thôn T*” cho ông Nguyễn Đình B ở thôn T vào ngày 01/6/2017, thời gian giao thuê 20 năm kể từ ngày ký: Trong đó 540m² là đất vườn trồng cây lâu năm, có trị giá là: 540m² x 790đồng/m² x 20 năm = 8.532.000 đồng; Còn diện tích: 1.870,6m² là đất trống, trồng cây hàng năm, có

trị giá là: $1.870,6\text{m}^2 \times 675\text{đồng}/\text{m}^2 \times 20 \text{ năm} = 25.253.100 \text{ đồng}$ (Hai năm triệu, hai trăm năm ba nghìn một trăm đồng). Tổng số tiền là 33.785.100 đồng”.

Tại bản kết luận giám định số 1510/KL – KTHS ngày 20/3/2023 của Phòng K - Công an T11 kết luận:

“Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Đình N trên Biên bản thầu đất lâu dài, người thầu đất đứng tên Nguyễn Văn C1; trên Giấy đổi đất, bên đổi đất đứng tên Nguyễn Đình G; trên Bản hợp đồng giao thầu khu vườn cây quán cũ, người nhận thầu đứng tên Nguyễn Đình B với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Đình N trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Đình T1 trên Bản hợp đồng giao thầu khu vườn cây quán cũ, người nhận thầu đứng tên Nguyễn Đình B; 01 phiếu thu người nộp tiền Nguyễn Đình B với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Đình T1 trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Viết Đ trên Giấy đổi đất, bên đổi đất đứng tên Nguyễn Đình G với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Viết Đ trên các mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.”

Về nguồn gốc đất khu L và Khu vườn cây quán cũ: Tại báo cáo số 14 ngày 22/02/2023 của UBND xã T báo cáo:

- Thửa đất tại khu L đổi cho ông Nguyễn Đình G và Thửa đất tại khu L ông Nguyễn Văn C1 nhận thầu, là đất thung đào, hồ đá chưa sử dụng (đất nuôi trồng thủy sản) thuộc đất công do UBND xã T quản lý. Theo điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã T đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số 9645 ngày 20/12/2017 khu đất Lò Đá là đất ở tại nông thôn. Hiện trạng hiện nay vẫn giữ nguyên so với thời điểm đổi đất năm 2016.

- Khu vườn cây quán cũ, thôn T thửa đất giao thầu cho ông Nguyễn Đình B thôn T: Thời điểm tháng 6/2017 khu vườn cây Quán Cũ có 540m^2 là đất vườn cây lâu năm, phần còn lại $1.870,6\text{m}^2$ là đất trống, đất trồng cây hàng năm. Toàn bộ diện tích $2.410,6\text{m}^2$ khu V quán cũ thuộc đất công do UBND xã T quản lý.

Số tiền 150.000.000 đồng thu từ việc giao thầu cho ông B: Chi bộ và chính quyền của 03 thôn T, Đ, Đ, đã nhất trí giao ông Nguyễn Đình T1 – Chi hội trưởng Hội người cao tuổi chi vào đồ bê tông sân, chuyển cổng cũ, lấp ao và mở rộng khuôn viên Đ2 vào năm 2018. Việc thu chi không báo cáo UBND xã.

3. Về vật chứng vụ án đã thu giữ: Quá trình giải quyết đơn tố giác tội phạm và giải quyết vụ án, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp các tài liệu như sau:

- Bị cáo Nguyễn Đình T1 đã 04 lần (ngày 10/6/2022; ngày 11/8/2022; ngày 21/8/2022; ngày 11/01/2023; ngày 11/02/2023) giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu sau:

+ 05 (năm) bản gốc “Biên bản thầu đất lâu dài” đề ngày 04/03/2020 cho ông Nguyễn Viết B1, Vũ Văn Q2, Nguyễn Thị U, Nguyễn Viết M;

+ 05 (năm) bản gốc “Phiếu thu” tiền số 02,05,03, 01 và 02 ngày 04/03/2020 và ngày 06/03/2021 của ông Nguyễn Viết B1, Vũ Văn Q2, Nguyễn Thị U, Nguyễn Viết M;

+ Các bản gốc liên quan đến: Biên bản họp kiến thiết ngày 24/4/2020, ngày 30/3/2020; Hợp BCH Hội người cao tuổi ngày 04/5/2018, ngày 09/09/2020; Biên bản họp đề nghị cải tạo sửa chữa một số hạng mục phụ trợ Đình làng Tiến Phối, xã T ngày 27/4/2020; Nghị quyết họp ba thôn ngày 27/3/2020; Danh sách số người đăng ký mua đất; 04 (bốn) tờ Danh sách Hội nghị họp xin ý kiến bàn chuyên đề cho thầu đất; Biên bản tổng kết nhiệm kỳ 2018-2020 ngày 01/11/2020.

+ 01 (một) Tập tài liệu, hóa đơn chứng từ liên quan đến chi các hạng mục công trình xây dựng, sửa chữa Đình làng, Nghĩa trang thôn T của B2 kiến thiết, chi tổng số tiền 926.690.000 đồng và 01 (một) Tập tài liệu, hóa đơn chứng từ liên quan đến chi các hạng mục công trình xây dựng, sửa chữa Đình làng, mua đất mở rộng khuôn viên Đ2, C3, đền bù rãnh nước, giải phóng mặt bằng của Chi hội người cao tuổi thôn T hết tổng số tiền là 933.721.000 đồng

+ 08 (tám) bản gốc “Phiếu thu” tiền, thời gian thu từ tháng 03/2020 đến tháng 10/2020, tổng số tiền thu là 1.222.900.000 đồng;

+ 05 (năm) “Phiếu chi” tiền, thời gian chi vào tháng 07/2020 và tháng 10/2020, tổng số tiền chi là: 261.010.000 đồng.

+ Chứng từ, tài liệu thu-chi từ năm 2018 đến năm 2020 (từ bút lục số 998 đến bút lục số 1128).

+ Các tài liệu, chứng từ, hồ sơ sổ sách... có liên quan đến việc lập “Biên bản thầu đất lâu dài”, “Giấy đổi đất” tại khu L và “Hợp đồng giao thầu đất khu vườn cây Quán cũ” thôn T năm 2016, 2017 của Chi hội người cao tuổi (khóa cũ, khóa mới), Trưởng thôn, Bí thư chi bộ thôn T và các chứng từ thu-chi có liên quan (từ bút lục số 736 đến bút lục số 942).

- Ngày 10/06/2022, bị cáo Nguyễn Đình T3 giao nộp cho Cơ quan điều tra, gồm:

+ 01 (một) bản gốc Biên bản đo trả đất Đ2 (Hội người cao tuổi) ngày 13/09/2020;

+ 01 (một) bản gốc Biên bản đo trả đất ao ông Nguyễn Đình G ngày 13/09/2020;

+ 01 (một) bản phô tô Biên bản đo trả đất ao ông Nguyễn Viêt T5 ngày 13/09/2020;

- Ngày 03/10/2022, ông Nguyễn Viêt T5 giao nộp cho Cơ quan điều tra, gồm:

+ 01 (một) bản gốc Biên bản đo trả đất ao ông Nguyễn Viêt T5 ngày 13/9/2020;

+ 01 (một) bản gốc Biên bản chuyển nhượng đất mở rộng khuôn viên Chùa Đ7 tự, thôn T ngày 12/7/2019;

+ 02 (hai) bản gốc, Biên bản chuyển nhượng đất mở rộng khuôn viên Đình làng thôn T ngày 04/12/2018.

+ 01 (một) bản gốc “Biên bản giao đất” ngày 22/09/2019.

4. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với tổng số diện tích 3.441,439m² đất nông nghiệp quỹ công, do UBND xã T quản lý mà các bị cáo tổ chức bán, đổi, giao thầu trái thẩm quyền: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có văn bản kiến nghị Chủ tịch UBND huyện C chỉ đạo các Phòng ban chức năng của Huyện và UBND xã T sớm có biện pháp xử lý, thu hồi đưa vào quản lý, sử dụng số diện tích đất vi phạm nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với tổng số tiền thu là 2.185.000.000 đồng đã được sử dụng vào việc mở rộng, xây dựng, kiến thiết các công trình phúc lợi vì lợi ích chung của thôn mà không có mục đích chiếm đoạt, tư lợi cá nhân.

5. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các ông Nguyễn Viêt M, ông Vũ Văn Q2, anh Nguyễn Văn H3, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Đình B, ông Nguyễn Đình G đều đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho các gia đình được tiếp tục quản lý, sử dụng hợp pháp đối với các thửa đất đã mua đấu thầu, đổi đất nêu trên và tiếp tục được giao thầu đất theo quy định. Trường hợp Nhà nước thu hồi các thửa đất nêu trên, thì các gia đình xin chấp hành; ông M, ông Q2, anh H3 đề nghị được nhận lại số tiền gốc, tiền lãi phát sinh, theo giá trị thị trường hiện tại.

Tại Bản Cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố:

- Nguyễn Viêt Đ, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình N về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357;

- Nguyễn Đình T3 về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Cả 4 bị cáo đều khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh tại thời điểm các bị cáo phạm tội là do lúc đó nhận thức về luật đất đai còn hạn chế và xuất phát từ nguyện vọng của nhân dân được xây dựng nông thôn mới, để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Viết M, ông Vũ Văn Q2, anh Nguyễn Văn H3, ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Đình B đều trình bày: Đề nghị các cơ quan Nhà nước tạo điều kiện cho các gia đình được nhận đất để sử dụng. Trường hợp bị Nhà nước thu hồi lại, không được giao đất nữa thì các ông cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền đã bỏ ra để trúng đấu giá đất, để nhận thầu đất; không yêu cầu bồi thường trị giá các tài sản đã đầu tư trên đất. Đại diện gia đình ông G (anh Nguyễn Đình C2) cũng không yêu cầu được nhận lại đất đã đổi cho Hội người cao tuổi. Những người liên quan đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo thực hiện không phải mục đích tư lợi mà vì tập thể, vì nhân dân trong thôn.

- Đại diện Viện kiểm sát: Giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

+ Đối với bị cáo Đ, N, T1: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; bị cáo T3 áp dụng khoản 1 Điều 357. Về tình tiết giảm nhẹ: điểm b, s, t, o (đối với bị cáo T1) khoản 1, khoản 2 (bị cáo Đ có bà nội là mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo N, bị cáo T1 đều có anh trai là liệt sỹ; quá trình công tác ở địa phương các bị cáo đều được tặng giấy khen của xã; các bị cáo được người dân trong thôn và lãnh đạo các ban ngành đoàn thể trong thôn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo phạm tội vì thực hiện các công trình tâm linh, phúc lợi của thôn) Điều 51; Điều 54 đối với bị cáo Đ, N, T1; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với cả 04 bị cáo. Về mức hình phạt: Bị cáo Đ từ 30-36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Bị cáo N, T1 mỗi bị cáo từ 24-30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48-60 tháng; bị cáo T3 từ 12-15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24-30 tháng.

+ Đề nghị thu hồi lại tổng diện tích đất nông nghiệp quỹ công thuộc quyền quản lý của UBND xã T đã bị các bị cáo cho đấu thầu, đổi, giao thầu trái thẩm quyền đo đạc theo thực tế là 3.486,9m² để giao cho UBND xã T quản lý theo quy định của Luật đất đai, các gia đình bị thu hồi lại đất phải tự tháo dỡ công trình trên đất bị thu hồi.

+ Do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông M, ông Q2, anh H3, anh B, anh C1, gia đình ông G không yêu cầu bồi hoàn, bồi thường gì nên đề nghị tuyên dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho những người này đối với các bị cáo và tuyên trả lại cho các bị cáo số tiền mà các bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ để khắc phục hậu quả.

+ Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 357 Bộ luật hình sự: Đề nghị cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế, quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

+ Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của cơ quan truy tố, về hành vi tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ và của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên là chứng cứ của vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ cuối năm 2016 đến năm 2020, do sự buông lỏng quản lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai tại xã T, huyện C, các bị cáo là những người giữ chức vụ trong thôn T gồm: Nguyễn Đình T3 – Trưởng thôn nhiệm kỳ 2018 -2020; Nguyễn Viết Đ – Bí thư thôn các nhiệm kỳ từ 2016 – 2020; Nguyễn Đình T1 – Chi hội trưởng người cao tuổi thôn nhiệm kỳ 2018 - 2020; Nguyễn Đình N – Trưởng thôn nhiệm kỳ 2016 – 2018, biết rõ bản thân không có chức năng, thẩm quyền tổ chức đấu thầu đất, giao đất, cho thuê đất công do UBND xã quản lý, nhưng đã tổ chức họp, ban hành Nghị quyết Chi bộ, Nghị quyết họp quân dân chính và Nghị quyết họp Hội người cao tuổi, họp

dân về việc cho đấu thầu đất dưới hình thức thầu dài hạn (giao đất có thu tiền), cho thuê đất, cho đổi đất trái thẩm quyền, với mục đích để có kinh phí mở rộng, xây dựng, sửa chữa Đ2, C3 và các công trình phúc lợi của thôn, cụ thể:

Nguyễn Viết Đ có hành vi: Cho đổi đất công tại khu L với diện tích 147,2m², có giá trị là 19.872.000 đồng và tham gia vào việc giao đất trúng thầu là đất nông nghiệp tại khu Đ thôn T với tổng diện tích 580,039m², trị giá là 78.305.265 đồng, đã phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thuộc trường hợp “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Đình T1 có hành vi: Giao thầu đất thời hạn 20 năm tại khu V cũ với diện tích 2.410,6m², có giá trị là 33.785.100 đồng và tham gia tổ chức đấu thầu, giao đất trúng thầu là đất nông nghiệp tại khu Đ thôn T với tổng diện tích 580,039m², có tổng trị giá là 78.305.265 đồng, đã phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thuộc trường hợp “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Đình N có hành vi: Giao thầu đất lâu dài tại khu L với diện tích 303,6m², có tổng giá trị là 40.986.000 đồng; tham gia đổi đất công tại khu L với diện tích 147,2m², có giá trị là 19.872.000 đồng và tham gia giao thầu đất thời hạn 20 năm tại khu V cũ với diện tích 2.410,6m², có giá trị là 33.785.100 đồng, đã phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”, thuộc trường hợp “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Đình T3 có hành vi tham gia tổ chức đấu thầu, giao đất trúng thầu đất là đất nông nghiệp tại khu Đ thôn T, với tổng diện tích 580,039m², có tổng trị giá là 78.305.265 đồng, đã phạm vào tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 168/CT-VKS ngày 22/11/2023 truy tố Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình T3 theo điều, khoản nói trên là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Để có căn cứ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét đánh giá: nguyên nhân, hậu quả, vai trò, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo và cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

Về động cơ, nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội: Do xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của nhân dân muốn tu sửa, nâng cấp, mở rộng các công trình tâm linh là Đ2, C3, nghĩa trang và các công trình phúc lợi khác của thôn như làm đường cống thoát nước, nhưng không có kinh phí để thực hiện và do sự thiếu hiểu biết về pháp luật đất đai, do sự buông lỏng quản lý đất đai của

chính quyền địa phương nên các bị cáo mới có cơ hội để thực hiện hành vi vượt quyền hạn của mình là cho đổi đất, giao thầu đất, tổ chức đấu thầu đất.

Về hậu quả của vụ án: Đối với tổng diện tích đất công thuộc quyền quản lý của UBND xã T bị các bị cáo cho đổi đất, giao thầu đất, tổ chức đấu thầu đất về cơ bản vẫn giữ nguyên hiện trạng ban đầu, không bị thay đổi mục đích sử dụng đất.

Về vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo: Vụ án có 04 bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên cơ sở nguyện vọng của người dân trong thôn thông qua các cuộc họp Chi bộ thôn, Hội nghị người cao tuổi của thôn, thực hiện hành vi phạm tội không có tính tổ chức, hệ thống nên chỉ là đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo là ngang nhau. Riêng có bị cáo Nguyễn Đình T3 chỉ tham vào lần tổ chức đấu thầu đất tại khu Đ nên hình phạt sẽ thấp nhất.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 04 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: Đến nay, bị cáo Đ đã nộp được 60.000.000 đồng, ba bị cáo còn lại mỗi bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân huyện Chương Mỹ để khắc phục bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết điểm b khoản 1 Điều 51. Cả 04 Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo T1 và bị cáo T3 đã tự nguyện giao nộp các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên việc điều tra vụ án được nhanh chóng kịp thời nên hai bị cáo này được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51. Bị cáo T1 đã hơn 70 tuổi nên được hưởng tình tiết điểm o khoản 1 và đang có trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Đình V1 (là anh trai bị cáo). Bị cáo N: có anh trai là liệt sỹ Nguyễn Đình N2 và hiện đã là người cao tuổi (trên 60 tuổi). Bị cáo Đ có bà nội (bà Nguyễn Thị T10) là mẹ Việt Nam anh hùng, có ông bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến; quá trình công tác ở địa phương được tặng nhiều giấy khen ở xã. Bị cáo T3 có thời gian tham gia trong quân ngũ, hiện đã là người cao tuổi (trên 60 tuổi), được tặng nhiều giấy khen trong quá trình tham gia công tác ở địa phương. Cả 04 bị cáo được người dân trong thôn và lãnh đạo các ban ngành đoàn thể trong thôn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo phạm tội là vì thực hiện các công trình tâm linh, phúc lợi của thôn.

Xét thấy bị cáo Đ, bị cáo T1, bị cáo N đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ, T1, N hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020 ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ và xét thấy cả bốn bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho cả bốn bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục, dẫn dắt, phòng ngừa chung.

*** Về hình phạt bổ sung:** Cần phải áp dụng khoản 5 Điều 357 Bộ luật hình sự, cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế, quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

*** Về biện pháp tư pháp:** Tổng diện tích đất các bị cáo cho đấu thầu, đổi, giao thầu trái thẩm quyền **3.441,439m²** thuộc khu Đ, khu L đá, khu V thôn T, xã T, huyện C là đất nông nghiệp quỹ công thuộc quyền quản lý của UBND xã T, đo đạc theo thực tế là **3.486,9m²**: đều được các bị cáo thực hiện vào thời điểm sau ngày 01/7/2014, nên căn cứ khoản 5 Điều 23 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai 2013 “*Nhà nước không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau*”, nên không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng hợp pháp cho những người được giao đất. Do vậy cần phải thu hồi lại toàn bộ diện tích đất nêu trên để giao cho UBND xã T quản lý theo quy định của Luật đất đai, cụ thể:

(1) Tại khu đất Đầu Vườn: Thu hồi lại của ông Nguyễn Việt M 198,6m², ông Nguyễn Văn H3 108,6m², ông Vũ Văn Q2 318,1m².

(2) Tại khu đất khu V quán cũ: Thu hồi lại của ông Nguyễn Đình B 2.410,6m².

(3) Tại khu đất khu L: Thu hồi lại của ông Nguyễn Văn C1 303,6m², ông Nguyễn Đình G 147,2m².

Các ông M, ông H3, ông Q2, ông C1, ông B phải có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình trên diện tích đất bị thu hồi lại.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Do diện tích đất các bị cáo giao trái thẩm quyền đã bị thu hồi lại để giao cho UBND xã T quản lý, quy định tại Điều 123,

131 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các bị cáo phải có trách nhiệm hoàn lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền họ đã bỏ ra để được nhận thầu, đổi đất và các thiệt hại về tài sản trên đất do họ đã đầu tư xây dựng theo. Tuy nhiên, quá trình điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M, ông Q2, anh H3, ông C1, ông B, ông G đều từ chối định giá tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất do đất bị thu hồi và tại phiên tòa hôm nay các ông đều không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số đã bỏ ra để được trúng thầu, nhận thầu, số đất đã bỏ ra để đổi đất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự cho những người này đối với các bị cáo. Do vậy, số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự mục đích để khắc phục hậu quả vụ án sẽ được trả lại cho các bị cáo.

*** Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình T3 phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt:

2.1. Nguyễn Viết Đ: 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Nguyễn Đình N: 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 357; điểm b, s, o, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt:

Nguyễn Đình T1: 30 (ba mươi) tháng tù, nhưng cho án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 357; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt:

Nguyễn Đình T3: 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình T3 cho UBND xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 357 Bộ luật hình sự: Cấm các bị cáo Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình T3 đảm nhiệm các chức vụ về quản lý kinh tế, quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 05 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

6. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Thu hồi lại 3.486,9m² đất nông nghiệp quỹ công thuộc quyền quản lý của UBND xã T theo diện tích đo đạc thực tế tại các khu đất Đầu V, khu Vườn Cây quán cũ, khu L, thuộc thôn T, xã T, huyện C, Hà Nội và giao cho UBND xã T quản lý theo quy định của Luật đất đai, cụ thể:

6.1. Tại khu đất Đầu Vườn: Thu hồi lại của ông Nguyễn Viết M 198,6m², ông Nguyễn Văn H3 108,6m², ông Vũ Văn Q2 318,1m².

6.2. Tại khu đất khu V quán cũ: Thu hồi lại của ông Nguyễn Đình B 2.410,6m².

6.3. Tại khu đất khu L: Thu hồi lại của ông Nguyễn Văn C1 303,6m², ông Nguyễn Đình G 147,2m².

Các ông C1, ông M, ông H3, ông Q2, ông B phải có trách nhiệm tự tháo dỡ các công trình trên diện tích đất bị thu hồi lại.

7. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với các bị cáo.

8. Trả lại cho các bị cáo số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Viết Đ: 60.000.000 đồng theo Biên lai số 0001761 ngày 29/01/2024 và Biên lai số 0001849 ngày 23/4/2024.

- Bị cáo Nguyễn Đình T1: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Biên lai số 0001759 ngày 29/01/2024

- Bị cáo Nguyễn Đình T3 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Biên lai số 0001760 ngày 29/01/2024

- Bị cáo Nguyễn Đình N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Biên lai số 0001766 ngày 29/01/2024

9. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Nguyễn Viết Đ, Nguyễn Đình T1,

Nguyễn Đình N, Nguyễn Đình T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

10. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02bản);
- Công an huyện Chương Mỹ;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Lưu HS -VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai